

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2022/DS-PT

Ngày: 29-12-2022

V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản, yêu
cầu công nhận hợp đồng tặng cho,
công nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Bá Kha**

Các Thẩm phán:

Ông **Lê Quang Tấn**

Bà **Nguyễn Thị Nhiên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Trương Th Triều** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm C khai vụ án thụ lý số 144/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản, yêu cầu C nhận hợp đồng tặng cho, C nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 170/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phan Văn Ch**, sinh năm: 1964. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp Tây Sơn 3, xã Đông Y, huyện An B, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **Phan Hoài Th**, sinh năm: 1982. Có mặt

Địa chỉ: Ấp Tây Sơn 3, xã Đông Y, huyện An B, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư **Lại Hùng A** – Văn phòng luật sư Hùng A – Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. Có mặt

- Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Phan Văn C**, sinh năm 1950. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Ấp Đá N, xã Thanh Đ, huyện Tân H, Kiên Giang

2. Ông **Phan Văn Th**, sinh năm 1957. Có mặt

Địa chỉ: Số 36, tổ 6, Ấp Tây Sơn 3, xã Đông Y, huyện An B, tỉnh Kiên Giang.

3. Ông **Trần Thành C**, sinh năm 1964 (Chết ngày 09/12/2021)

Địa chỉ: Ấp Tây Sơn 3, xã Đông Y, huyện An B, tỉnh Kiên Giang.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Thành C:

3.1 Bà **Bùi Cẩm L**, sinh năm 1968. Có mặt

Địa chỉ: Ấp Tây Sơn 3, xã Đông Y, huyện An B, tỉnh Kiên Giang.

3.2. Anh **Trần Thành Đ**, sinh năm 1988. Có mặt

Địa chỉ: Ấp Tây Sơn 3, xã Đông Y, huyện An B, tỉnh Kiên Giang.

3.3 Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1992. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Ấp Tây Sơn 3, xã Đông Y, huyện An B, tỉnh Kiên Giang.

4. Ông **Nguyễn Văn Ú**, sinh năm 1969. Vắng mặt

5. Bà **Nguyễn Thị Ch**, sinh năm 1968. Vắng mặt

6. Anh **Nguyễn Tấn L**, sinh năm 1990. Vắng mặt

7. Chị **Huỳnh Như**, sinh năm 1983. Có mặt

Cùng địa chỉ: Ấp Tây Sơn 3, xã Đông Y, huyện An B, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn **Phan Hoài Th** và người có quyền L và nghĩa vụ liên quan ông **Phan Văn Th**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2014 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phan Văn Ch trình bày và yêu cầu như sau:

Trước đây cha mẹ ông là ông Phan Văn B (chết năm 2007), bà Đoàn Thị T (chết năm 2006) đã tạo lập Đ một miếng đất thổ vườn diện tích khoảng 2.000m², tọa lạc tại ấp Tây Sơn 3, xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Cha mẹ ông có tất cả 03 người con gồm: Phan Văn C, Phan Văn Th và ông là Phan Văn Ch. Ông C và ông Th đã có gia đình riêng, C ông sống chung với cha mẹ và sử dụng phần đất này nhưng chưa Đ cấp giấy chứng nhận QSD đất. Đến năm 1993, Nhà nước hỗ trợ cất cho bà T 01 căn nhà tình nghĩa trên phần đất này, đến năm

2006 bà T bệnh chết để lại căn nhà và diện tích đất nêu trên nhưng không có làm di chúc để lại di sản cho ai.

Đến năm 2009, anh Phan Hoài Th là con của ông Phan Văn Th (cháu nội của bà T) đến sinh sống trong căn nhà này và sau đó làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận QSD đất cho anh Phan Hoài Th, lúc này ông phát hiện và đứng ra ngăn cản và từ đó xảy ra tranh chấp.

Nay ông yêu cầu Tòa giải quyết buộc anh Phan Hoài Th trả lại diện tích đất nêu trên và yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 2.000m² cho 3 người gồm: Ông Phan Văn Ch và ông Phan Văn C, Phan Văn Th theo quy định của pháp luật.

Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 09/7/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Hoài Th trình bày và yêu cầu như sau:

Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của bà nội anh là bà Đoàn Thị T, tự khai phá tạo lập Đ diện tích đất phía trên bờ khoảng 1.291m², phía dưới mé sông khoảng 163,2m² và Đ Nhà nước cất cho 01 căn nhà tình nghĩa chiều ngang 4,2m, chiều dài 9m trên phần đất này, tọa lạc tại ấp Tây Sơn 3, xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang phần đất này đến nay chưa Đ cấp giấy chứng nhận QSD đất. Lúc bà T C sống thì chỉ có một mình anh là người phụng dưỡng bà T, đối với ông Ch thì đi làm ăn xa không có ở địa phương, từ đó bà T đã làm giấy ủy quyền toàn bộ diện tích đất và căn nhà nêu trên cho anh sử dụng.

Nay anh yêu Tòa án giải quyết C nhận giấy ủy quyền của bà Đoàn Thị T lập ngày 06/12/2003 và C nhận cho anh diện tích đất phía trên bờ khoảng 1.291m², đất phía dưới mé sông khoảng 163,2m² và 01 căn nhà tình nghĩa chiều ngang 4,2m, chiều dài 9m.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 23/10/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền L, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thành C và bà Bùi Cẩm L trình bày và yêu cầu như sau:

Vào ngày 01/02/1993, bà Đoàn Thị T là mẹ của ông Ch có cho vợ chồng ông bà diện tích đất ở nông thôn nằm dưới mé sông chiều ngang 16m, chiều dài (tính luôn phần kết cấu xi măng) là 12m, tọa lạc tại ấp Tây Sơn 3, xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Sau đó vợ chồng ông bà cất nhà trên phần đất này và ở ổn định cho đến nay.

Nay ông Phan Văn Ch và anh Phan Hoài Th xảy ra tranh chấp trong đó có phần đất mà vợ chồng ông bà đang sử dụng. Vì vậy ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết C nhận phần đất này cho vợ chồng ông bà.

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn C trình bày:

Mẹ ông là bà Đoàn Thị T có 03 người con và tạo lập Đ đất vườn diện tích 1.000m², hiện nay anh Phan Hoài Th đang quản lý, sử dụng. Nay ông không có yêu cầu chia thừa kế phần đất này, việc ông Phan Văn Ch và anh Phan Hoài Th có tranh chấp với nhau thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đối với phần đất mà cha mẹ ông đã cho ông Trần Thành C, bà Bùi Cẩm L trước đây thì ông đồng ý C nhận phần đất này cho ông C, bà L.

Đối với phần đất mà ông Nguyễn Văn Ú, bà Nguyễn Thị Ch đang ở là cha mẹ cho mượn cất nhà ở, nay ông vẫn tiếp tục cho ở trên phần đất này.

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Th trình bày:

Ông không đồng ý theo yêu cầu của ông Phan Văn Ch, vì diện tích đất 1.000m² và 01 căn nhà mẹ ông là bà Đoàn Thị T đã ủy quyền để lại cho con ông là Phan Hoài Th sử dụng.

Ông Nguyễn Văn Ú và bà Nguyễn Thị Ch trình bày như sau:

Phần đất đang tranh chấp giữa ông Phan Văn Ch và anh Phan Hoài Th là của bà Đoàn Thị T, lúc bà T C sống cho ông bà mượn một phần diện tích đất để cất nhà ở đến nay hơn 20 năm. Nay nếu ông Ch, ông Th, ông C có yêu cầu ông bà trả lại phần đất mà ông bà đang sử dụng thì vợ chồng ông bà giao trả lại và không có yêu cầu bồi thường gì và cũng không có yêu cầu giải quyết gì trong vụ án này.

Anh Nguyễn Tấn L trình bày: Anh thống nhất với ý kiến của cha mẹ anh là ông Nguyễn Văn Ú và bà Nguyễn Thị Ch nêu trên. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì thêm.

Anh Trần Thành Đ và chị Trần Thị H trình bày: Anh chị thống nhất theo ý kiến và yêu cầu của cha mẹ anh là Trần Thành C và bà Bùi Cẩm L nêu trên. Không có yêu cầu gì thêm.

Chị Huỳnh Như trình bày: Chị thống nhất theo ý kiến và yêu cầu của chồng chị là anh Phan Hoài Th nêu trên. Không có yêu cầu gì thêm.

Tại C văn số 421/UBND-NCPC ngày 29/12/2015 của Ủy ban nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang ý kiến như sau: Diện tích đất đang tranh chấp giữa ông Phan Văn Ch với anh Phan Hoài Th theo biên bản thẩm định ngày 17/7/2015 nằm trên sơ đồ 14 tại thửa 196, tờ bản đồ 2-2 do bà Đoàn Thị T đứng tên. Phần đất này chưa Đ cấp giấy chứng nhận QSD đất, C việc ai tiếp quản lý sử dụng phần đất này thì đề nghị Tòa án xác minh làm rõ thêm.

**** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:***

Áp dụng các Điều 457, Điều 649, Điều 650, Điều 651 và khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án; Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1 - Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Ch về việc yêu cầu chia thừa kế QSD đất của ông bà Phan Văn B, bà Đoàn Thị T để lại đối với anh Phan Hoài Th.

2 - Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Phan Hoài Th về việc yêu cầu C nhận giấy ủy quyền của bà Đoàn Thị T lập ngày 06/12/2003.

3 - Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Phan Hoài Th về việc yêu cầu C nhận QSD đất và 01 căn nhà tình nghĩa của bà Đoàn Thị T để lại.

4 - Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Trần Thành C, bà Bùi Cẩm L về yêu cầu C nhận QSD đất do ông Phan Văn B và bà Đoàn Thị T tặng cho.

C nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn Ch theo đo đạc thực tế có tổng diện tích là 399,0m², nằm trong sơ đồ 14, tại thửa đất số 196, tờ bản đồ 2-2, đất tọa lạc tại ấp Tây Sơn 3, xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vị trí đất theo sơ đồ đo đạc thực tế ngày 28/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên và bản trích đo ngày 04/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện An Biên, với các cạnh cụ thể như sau:

+ Cạnh 1-2 = 32,6m giáp đất ông Phạm Văn Đen.

+ Cạnh 2-3 = 14,40m giáp đất bà Đoàn Thị T (ông Phan Hoài Th đang quản lý).

+ Cạnh 3-4 = 21,74m giáp đất bà Đoàn Thị T (ông Phan Hoài Th đang quản lý).

+ Cạnh 4-1 = 18,40m giáp Kênh 3000.

Hiện trạng trên đất có 01 căn nhà của ông Nguyễn Văn Ú, bà Nguyễn Thị Ch chiều ngang 4,28 m x chiều dài 12,6 m = 53,55m², nền xi măng, vách, mái lợp tôn, đòn tay gỗ, hiện nay ông Ú và bà Ch đang ở.

C nhận quyền sử dụng đất cho anh Phan Hoài Th theo đo đạc thực tế có tổng diện tích là 115,2m², nằm trong sơ đồ 14, thửa đất số 196, tờ bản đồ 2-2, đất tọa lạc tại ấp Tây Sơn 3, xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vị trí đất theo sơ đồ đo đạc thực tế 28/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên và bản trích đo ngày 04/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện An Biên, với các cạnh cụ thể như sau:

+ Cạnh 8-9 = 8,20m giáp đất bà Đoàn Thị T (hiện nay anh Phan Hoài Th đang quản lý).

+ Cạnh 9-10 = 1,20m giáp đất bà Đoàn Thị T.

+ Cạnh 10-11 = 2,80m giáp bà Đoàn Thị T.

+ Cạnh 11- 12 = 3,00m giáp bà Đoàn Thị T.

+ Cạnh 13-14 = 2,00m bà Đoàn Thị T.

+ Cạnh 14-15 = 6,00m bà Đoàn Thị T.

+ Cạnh 15-16 = 4,20m bà Đoàn Thị T.

+ Cạnh 16-17 = 3,80m bà Đoàn Thị T.

- + Cạnh 17-18 = 9,00m bà Đoàn Thị T.
- + Cạnh 18-19 = 3,80m bà Đoàn Thị T.
- + Cạnh 19-20 = 2,80m bà Đoàn Thị T.
- + Cạnh 20-21 = 9,14m bà Đoàn Thị T.
- + Cạnh 21-8 = 3,00m giáp lộ nông thôn.

Và 01 căn nhà tình nghĩa tổng diện tích (kể cả mái che) là 83,76m², kết cấu: Móng xây gạch, cột xây gạch, vách xây tường, dầm lá, đòn tay thép hộp, cây gỗ tạp, mái lợp tôn, nền lót gạch tàu.

C nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Thành C, bà Bùi Cẩm L và anh Trần Thành Đ theo đo đạc thực tế có tổng diện tích là 185,2m², nằm trong sơ đồ 14, thửa đất số 196, tờ bản đồ 2-2 (dưới mé sông), đất tọa lạc tại ấp Tây Sơn 3, xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vị trí đất theo sơ đồ đo đạc thực tế 28/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên và bản trích đo ngày 04/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện An Biên, với các cạnh cụ thể như sau:

- + Cạnh 25-26 = 2,47m giáp đất với cầu sắt.
- + Cạnh 26-27 = 0,5m giáp đất lộ nông thôn.
- + Cạnh 27-28 = 6,89m giáp lộ nông thôn.
- + Cạnh 28-29 = 1,07m giáp lộ nông thôn.
- + Cạnh 29-30 = 5,62m giáp lộ nông thôn.
- + Cạnh 30-31 = 8,74m giáp lộ nông thôn.
- + Cạnh 31-32 = 10,6m giáp đất Đặng Văn Quang
- + Cạnh 32-25 = 21,80m giáp kênh 3000.

Hiện trạng trên đất có 01 căn nhà của ông Trần Thành C và bà Bùi Cẩm L đang sử dụng diện tích 15 x 12 = 180m², kết cấu cột bê tông, bờ kê bê tông, nền láng xi măng, vách và mái tôn sóng tròn, đòn tay gỗ tạp.

Tạm giao cho anh Phan Hoài Th quản lý, sử dụng QSD theo đo đạc thực tế theo hình các cạnh 4,3,2,5,6,7,8,21,22,23,24 tổng diện tích là 791,5m², nằm trong sơ đồ 14, thửa đất số 196, tờ bản đồ 2-2, đất tọa lạc tại ấp Tây Sơn 3, xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vị trí đất theo sơ đồ đo đạc thực tế 28/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên và bản trích đo ngày 04/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện An Biên, với các cạnh cụ thể như sau:

- + Cạnh 4-3 = 21,74m giáp đất ông Phan Văn Ch.
- + Cạnh 3-2 = 14,40m giáp đất ông Phan Văn Ch.
- + Cạnh 2-5 = 14,70m giáp đất ông Nguyễn Văn Đ.
- + Cạnh 5-6 = 46,50m giáp đất ông Đặng Văn Q.
- + Cạnh 6-7 = 3,96m giáp lộ nông thôn.
- + Cạnh 7-8 = 9,61m giáp lộ nông thôn.

- + Cạnh 21-22 = 5,62m giáp lộ nông thôn.
- + Cạnh 22-23 = 0,68m giáp lộ nông thôn.
- + Cạnh 23-24 = 2,78m giáp cầu sắt.
- + Cạnh 24-4 = 30,60m giáp kênh 3000.

Hiện tại phần đất này ông Phan Hoài Th đang quản lý, sử dụng trên đất có 05 ngôi mộ xây diện tích $4,8 \text{ m} \times 9 \text{ m} = 43,2\text{m}^2$ và cây cối, tài sản khác gắn liền trên đất nhưng không Đ bán, trao đổi, tặng cho, cầm cố, thế chấp và định đoạt bằng các hình thức khác nếu không Đ đồng ý của ông Phan Văn C, ông Phan Văn Th. Nếu sau này có xảy ra tranh chấp thì có quyền yêu cầu giải quyết vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Ông Phan Hoài Th có trách nhiệm giao lại phần đất đã Đ chia nêu trên cho ông Phan Văn Ch và đã Đ C nhận cho gia đình ông Trần Thành C, bà Bùi Cẩm L, anh Trần Thành Đ. Nếu anh Phan Hoài Th không giao đất cho ông Ch, gia đình ông C hoặc có sự ngăn cản việc sử dụng đất thì ông Ch và bà L, anh Đ có quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ông Phan Văn Ch, anh Phan Hoài Th và bà Bùi Cẩm L, anh Trần Thành Đ đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm C tuyên về án phí, chi phí tố tụng và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 30/6/2022, ông Phan Hoài Th và ông Phan Văn Th có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ kiện, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Phan Văn Ch về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của ông Phan Văn B, bà Đoàn Thị T để lại đối với Phan Hoài Th và không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trần Thành C, bà Bùi Cẩm Lệ về yêu cầu C nhận quyền sử dụng đất do ông Phan Văn B, bà Đoàn Thị T tặng cho Phan Hoài Th (Diện tích $185,2 \text{ m}^2$). Yêu cầu chấp nhận đơn phản tố C nhận toàn bộ phần đất $1.490,9 \text{ m}^2$ tọa lạc tại ấp Tây Sơn 3, xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo trích đo của Văn phòng đăng ký đất đai huyện An Biên cho Phan Hoài Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn ông Phan Văn Ch giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không có kháng cáo và yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo hướng C nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự.

Bị đơn ông Phan Hoài Th và người có quyền L và nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Th thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng C nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự.

** Quan điểm của Luật sư Lại Hùng Anh là người bảo vệ quyền, L ích cho bị đơn Phan Hoài Th trình bày:*

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận Đ với nhau về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo hướng C nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Phan Hoài Th và người có quyền L và nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Th, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo hướng ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Đ thẩm tra và C bố C khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Phan Hoài Th và người có quyền L và nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Th về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Phan Văn C, chị Trần Thị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn Ú, bà Nguyễn Thị Ch, anh Nguyễn Tấn L vắng mặt và đã Đ triệu tập hợp lệ hai lần nên áp dụng khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Về nội dung kháng cáo của bản án sơ thẩm: Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Phan Hoài Th và người có quyền L và nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Th, Hội đồng xét xử xét thấy: Về nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Phan Văn B và bà Đoàn Thị T chết để lại. Vì vậy yêu cầu của ông Phan Văn Ch yêu cầu chia thừa kế tài sản QSD đất là có cơ sở. Ông B và bà T có 03 người con Phan Văn C, Phan Văn Th và Phan Văn Ch, phần đất này ông B và bà T chưa Đ cấp giấy chứng nhận QSD đất. Đến năm 2006 bà T chết, năm 2007 ông B chết để lại

phần đất và 01 căn nhà tình nghĩa không lập di chúc để lại cho ai. Do đó, ông Phan Văn C, ông Phan Văn Th và ông Phan Văn Ch là người Đ quyền thừa kế tài sản này mỗi người một kỹ phần.

Anh Phan Hoài Th cho rằng lúc bà Đoàn Thị T đã lập giấy ủy quyền lại toàn bộ QSD đất và 01 căn nhà tình nghĩa cho anh, do đó anh yêu cầu C nhận toàn bộ QSD đất, 01 căn nhà tình nghĩa cho anh, đồng thời anh yêu cầu ông Trần Thành C và bà Bùi Cẩm L tháo dỡ nhà ở, tài sản khác trên đất để trả lại đất cho anh là không có cơ sở. Bởi lẽ, tờ giấy ủy quyền của bà Đoàn Thị T xác lập ngày 06/12/2003, về hình thức không phải là di chúc, nội dung ủy quyền chưa rõ ràng, tại thời điểm lập tờ ủy quyền các đương sự cũng không có trực tiếp đến Chh quyền địa phương xác nhận tại thời điểm lập giấy ủy quyền mà cho đến ngày 22/11/2004 áp ký xác nhận và đến ngày 30/11/2009 Ủy ban nhân dân xã mới ký xác nhận (theo lời khai của ông Nguyễn Sơn Hùng BL 154), hơn nữa tại thời điểm đó ông Phan Văn B là chồng của bà Đoàn Thị T là đồng sở hữu tài sản mà không có ký tên thể hiện sự thống nhất của ông B. Do đó, tờ giấy ủy quyền thừa kế tài sản này là vô hiệu.

Xét thấy anh Phan Hoài Th là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng ông B và bà T và sau khi ông B và bà T chết anh Th là người trực tiếp quản lý, sử dụng, tôn tạo diện tích đất và căn nhà tình nghĩa để thờ cúng ông B và bà T từ đó cho đến ngày hôm nay. Anh Phan Hoài Th có C quản lý, tôn tạo tài sản của ông B và bà T để lại nên chấp nhận một phần yêu cầu của anh Th và C nhận cho anh Th diện tích đất theo đo đạc thực tế ngày 28/02/2022 diện tích đất 115,2m² và 01 căn nhà tình nghĩa gắn liền trên đất mà gia đình anh Th đang sử dụng.

Đối với diện tích đất C lại theo đo đạc thực tế 28/02/2022 là 791,5m², tài sản khác và 05 ngôi mộ trên đất là thuộc quyền thừa kế ông Phan Văn C và ông Phan Văn Th nhưng ông C và ông Th không có yêu cầu chia phần đất này nên tạm thời giao cho anh Phan Hoài Th tiếp tục quản lý, sử dụng. Nếu sau này có ai yêu cầu thì giải quyết thành một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp quy định của pháp luật, vì vậy yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phan Hoài Th và người có quyền L và nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Th là không có cơ sở chấp nhận.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ông C, ông Ch và ông Th đã đồng ý giao cho ông Th Đ toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 791,5 m² và các bên đương sự cũng đã thống nhất các vấn đề khác vẫn giữ nguyên như án sơ thẩm đã tuyên.

Vì vậy, không chấp nhận nội dung kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo hướng ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về chi phí tố tụng:

Chi phí đo đạc: Ông Phan Văn Ch đã nộp số tiền là 1.656.000đ, theo hóa đơn giá trị gia tăng số: 0018838 ngày 06/7/2018, số tiền là 1.004.000đ, theo Hóa đơn giá trị gia tăng số: 0001442 ngày 27/8/2020 và số tiền 2.600.000đ, theo hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000762 ngày 04/4/2022 đều của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Tổng cộng số tiền đo đạc là 5.260.000đ.

Chi phí định giá tài sản: Ông Phan Văn Ch đã nộp số tiền là 2.500.000đ, theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000181 ngày 26/12/2018 của C ty trách nhiệm hữu hạn định giá Thịnh Vượng.

Do yêu cầu của ông Phan Văn Ch và ông Trần Thành C, bà Bùi Cẩm L Đ chấp nhận nên buộc anh Phan Hoài Th phải chịu toàn bộ các chi phí này. Như vậy anh Phan Hoài Th phải hoàn trả lại cho ông Phan Văn Ch tổng cộng chi phí đo đạc và chi phí định giá số tiền là 7.860.000đ (bảy triệu T trăm sáu mươi ngàn đồng).

[4] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Phan Hoài Th phải chịu 2 khoản tiền án phí là 500.000đ (năm trăm ngàn đồng). Nhưng Đ khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.300.000đ (một triệu ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0005672 ngày 21/8/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Như vậy anh Phan Hoài Th Đ nhận lại số tiền là 800.000đ (T trăm ngàn đồng).

Hoàn trả lại cho ông Phan Văn Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 466.000đ (bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng), theo biên lai thu số 07473 ngày 10/4/2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Hoàn trả lại cho ông Trần Thành C, bà Bùi Cẩm L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số: 0005733 ngày 24/10/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Án phí dân sự có giá ngạch: Ông Phan Văn Ch phải chịu là 5.586.000đ (năm chịu năm trăm T mươi sáu ngàn đồng).

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không Đ chấp nhận nên ông Phan Hoài Th phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Ông Phan Văn Th là người cao tuổi nên Đ miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 457, Điều 649, Điều 650, Điều 651 và khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án; Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phan Hoài Th và người có quyền L và nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Th.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo hướng ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Ch về việc yêu cầu chia thừa kế QSD đất của ông bà Phan Văn B, bà Đoàn Thị T để lại đối với anh Phan Hoài Th.

2- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Phan Hoài Th về việc yêu cầu C nhận giấy ủy quyền của bà Đoàn Thị T lập ngày 06/12/2003.

3- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Phan Hoài Th về việc yêu cầu C nhận QSD đất và 01 căn nhà tình nghĩa của bà Đoàn Thị T để lại.

4- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Trần Thành C, bà Bùi Cẩm L về yêu cầu C nhận QSD đất do ông Phan Văn B và bà Đoàn Thị T tặng cho.

C nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn Ch theo đo đạc thực tế có tổng diện tích là 399,0m², nằm trong sơ đồ 14, tại thửa đất số 196, tờ bản đồ 2-2, đất tọa lạc tại ấp Tây Sơn 3, xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vị trí đất theo sơ đồ đo đạc thực tế ngày 28/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên và bản trích đo ngày 04/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện An Biên, với các cạnh cụ thể như sau:

+ Cạnh 1-2 = 32,6m giáp đất ông Phạm Văn Đen.

+ Cạnh 2-3 = 14,40m giáp đất bà Đoàn Thị T (ông Phan Hoài Th đăng quản lý).

+ Cạnh 3-4 = 21,74m giáp đất bà Đoàn Thị T (ông Phan Hoài Th đăng quản lý).

+ Cạnh 4-1 = 18,40m giáp Kênh 3000.

Hiện trạng trên đất có 01 căn nhà của ông Nguyễn Văn Ú, bà Nguyễn Thị Ch chiều ngang 4,28 m x chiều dài 12,6 m = 53,55m², nền xi măng, vách, mái lợp tôn, đoàn tay gỗ, hiện nay ông Ú và bà Ch đang ở.

C nhận quyền sử dụng đất cho anh Phan Hoài Th theo đo đạc thực tế có tổng diện tích là 115,2m², nằm trong sơ đồ 14, thửa đất số 196, tờ bản đồ 2-2, đất tọa lạc tại ấp Tây Sơn 3, xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vị trí đất

theo sơ đồ đo đạc thực tế 28/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên và bản trích đo ngày 04/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện An Biên, với các cạnh cụ thể như sau:

+ Cạnh 8-9 = 8,20m giáp đất bà Đoàn Thị T (hiện nay anh Phan Hoài Th đang quản lý).

+ Cạnh 9-10 = 1,20m giáp đất bà Đoàn Thị T.

+ Cạnh 10-11 = 2,80m giáp bà Đoàn Thị T.

+ Cạnh 11- 12 = 3,00m giáp bà Đoàn Thị T.

+ Cạnh 13-14 = 2,00m bà Đoàn Thị T.

+ Cạnh 14-15 = 6,00m bà Đoàn Thị T.

+ Cạnh 15-16 = 4,20m bà Đoàn Thị T.

+ Cạnh 16-17 = 3,80m bà Đoàn Thị T.

+ Cạnh 17-18 = 9,00m bà Đoàn Thị T.

+ Cạnh 18-19 = 3,80m bà Đoàn Thị T.

+ Cạnh 19-20 = 2,80m bà Đoàn Thị T.

+ Cạnh 20-21 = 9,14m bà Đoàn Thị T.

+ Cạnh 21-8 = 3,00m giáp lộ nông thôn.

Và 01 căn nhà tình nghĩa tổng diện tích (kể cả mái che) là 83,76m², kết cấu: Móng xây gạch, cột xây gạch, vách xây tường, dầm lá, đoàn tay thép hộp, cây gỗ tạp, mái lợp tôn, nền lót gạch tàu.

C nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Thành C, bà Bùi Cẩm L và anh Trần Thành Đ theo đo đạc thực tế có tổng diện tích là 185,2m², nằm trong sơ đồ 14, thửa đất số 196, tờ bản đồ 2-2 (dưới mé sông), đất tọa lạc tại ấp Tây Sơn 3, xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vị trí đất theo sơ đồ đo đạc thực tế 28/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên và bản trích đo ngày 04/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện An Biên, với các cạnh cụ thể như sau:

+ Cạnh 25-26 = 2,47m giáp đất với cầu sắt.

+ Cạnh 26-27 = 0,5m giáp đất lộ nông thôn.

+ Cạnh 27-28 = 6,89m giáp lộ nông thôn.

+ Cạnh 28-29 = 1,07m giáp lộ nông thôn.

+ Cạnh 29-30 = 5,62m giáp lộ nông thôn.

+ Cạnh 30-31 = 8,74m giáp lộ nông thôn.

+ Cạnh 31-32 = 10,6m giáp đất Đặng Văn Quang

+ Cạnh 32-25 = 21,80m giáp kênh 3000.

Hiện trạng trên đất có 01 căn nhà của ông Trần Thành C và bà Bùi Cẩm L đang sử dụng diện tích 15 x 12 = 180m², kết cấu cột bê tông, bờ kè bê tông, nền láng xi măng, vách và mái tôn sóng tròn, đoàn tay gỗ tạp.

C nhận cho anh Phan Hoài Th quản lý, sử dụng QSD theo đo đạc thực tế theo hình các cạnh 4,3,2,5,6,7,8,21,22,23,24 tổng diện tích là 791,5m², nằm trong sơ đồ 14, thửa đất số 196, tờ bản đồ 2-2, đất tọa lạc tại ấp Tây Sơn 3, xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vị trí đất theo sơ đồ đo đạc thực tế 28/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên và bản trích đo ngày 04/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện An Biên, với các cạnh cụ thể như sau:

- + Cạnh 4-3 = 21,74m giáp đất ông Phan Văn Ch.
- + Cạnh 3-2 = 14,40m giáp đất ông Phan Văn Ch.
- + Cạnh 2-5 = 14,70m giáp đất ông Nguyễn Văn Đen.
- + Cạnh 5-6 = 46,50m giáp đất ông Đặng Văn Quang.
- + Cạnh 6-7 = 3,96m giáp lộ nông thôn.
- + Cạnh 7-8 = 9,61m giáp lộ nông thôn.
- + Cạnh 21-22 = 5,62m giáp lộ nông thôn.
- + Cạnh 22-23 = 0,68m giáp lộ nông thôn.
- + Cạnh 23-24 = 2,78m giáp cầu sắt.
- + Cạnh 24-4 = 30,60m giáp kênh 3000.

Ông Phan Hoài Th có trách nhiệm giao lại phần đất đã Đ chia nêu trên cho ông Phan Văn Ch và đã Đ C nhận cho gia đình ông Trần Thành C, bà Bùi Cẩm L, anh Trần Thành Đ. Nếu anh Phan Hoài Th không giao đất cho ông Ch, gia đình ông C hoặc có sự ngăn cản việc sử dụng đất thì ông Ch và bà L, anh Đ có quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ông Phan Văn Ch, anh Phan Hoài Th và bà Bùi Cẩm L, anh Trần Thành Đ đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật.

5 – Về chi phí tố tụng:

Buộc anh Phan Hoài Th phải hoàn trả lại cho ông Phan Văn Ch tổng cộng chi phí đo đạc và chi phí định giá số tiền là 7.860.000đ (Bảy triệu T trăm sáu mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Phan Văn Ch mà anh Phan Hoài Th không trả hoặc trả không đủ số tiền cho ông Ch thì anh Th C phải trả lãi cho ông Ch theo mức lãi suất Đ quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền C phải trả.

6- Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Phan Hoài Th phải chịu 2 khoản tiền án phí là 500.000đ (năm trăm ngàn đồng). Nhưng Đ khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.300.000đ

(một triệu ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0005672 ngày 21/8/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Như vậy anh Phan Hoài Th Đ nhận lại số tiền là 800.000đ (T trăm ngàn đồng).

Hoàn trả lại cho ông Phan Văn Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 466.000đ (bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng), theo lai thu số 07473 ngày 10/4/2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Hoàn trả lại cho ông Trần Thành C, bà Bùi Cẩm L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số: 0005733 ngày 24/10/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Án phí dân sự có giá ngạch: Ông Phan Văn Ch phải chịu là 5.586.000đ (Năm triệu năm trăm T mươi sáu ngàn đồng).

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Anh Phan Hoài Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng Đ khấu số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0004867 ngày 01/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Ông Phan Văn Th không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án Đ thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người Đ thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện An Biên
- THA dân sự huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bá Kha

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán Thẩm phán Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Bá Kha